

ỨNG DỤNG TÀI LIỆU XÁC THỰC TRONG GIẢNG DẠY KỸ NĂNG NÓI TIẾNG TRUNG GIAO TIẾP CHO HỌC VIÊN TẠI TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ

Nguyễn Việt Hùng
Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu
Email: viethung08@gmail.com

Tóm tắt: Nghiên cứu này điều tra tác động của việc sử dụng tài liệu xác thực đến sự phát triển kỹ năng nói tiếng Trung giao tiếp của học viên tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu. Nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp, kết hợp khảo sát, quan sát lớp học và giảng dạy thực nghiệm. Kết quả cho thấy, mặc dù học viên gặp một số khó khăn như ngôn ngữ trong tài liệu xác thực còn phức tạp, khả năng tự sửa lỗi còn hạn chế và mức độ tự tin chưa đồng đều, việc sử dụng tài liệu xác thực trong giảng dạy theo định hướng giao tiếp đã góp phần nâng cao kỹ năng nói, tăng khả năng phân xạ ngôn ngữ và thúc đẩy sự tham gia của học viên trong lớp học. Trên cơ sở đó, nghiên cứu khuyến nghị giáo viên nên lựa chọn, điều chỉnh và khai thác tài liệu xác thực phù hợp với trình độ người học nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy kỹ năng nói tiếng Trung giao tiếp tại các trung tâm ngoại ngữ.

Từ khóa: kỹ năng nói; năng lực giao tiếp; phương pháp giảng dạy ngôn ngữ giao tiếp; tài liệu xác thực; tiếng Trung giao tiếp.

THE APPLICATION OF AUTHENTIC MATERIALS IN TEACHING CHINESE COMMUNICATIVE SPEAKING SKILLS TO LEARNERS AT A FOREIGN LANGUAGE CENTER

Abstract: This study investigates the impact of using authentic materials on the development of Chinese communicative speaking skills among learners at the Center for Foreign Languages and Informatics, Ba Ria - Vung Tau College of Education. The study employs a mixed-methods approach, combining surveys, classroom observations, and experimental teaching. The findings show that although learners faced several difficulties, such as the linguistic complexity of authentic materials, limited self-correction ability, and uneven levels of confidence, the use of authentic materials in communicative-oriented teaching contributed to improving speaking skills, enhancing language responsiveness, and promoting learners' participation in class. Based on these findings, the study recommends that teachers select, adapt, and exploit authentic materials appropriate to learners' proficiency levels in order to improve the effectiveness of teaching Chinese communicative speaking skills at foreign language centers.

Keywords: speaking skills; communication competence; communicative language teaching methods; authentic materials; conversational Chinese.

Nhận bài: 19/03/2026

Phản biện: 19/04/2026

Duyệt đăng: 24/04/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ trong hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư với Trung Quốc. Sự gia tăng của các doanh nghiệp, dự án và hoạt động giao thương có yếu tố Trung Quốc đã làm cho nhu cầu sử dụng tiếng Trung trong giao tiếp nghề nghiệp và đời sống ngày càng trở nên thiết thực. Vì vậy, việc học tiếng Trung không chỉ dừng lại ở mục tiêu nắm vững từ vựng và ngữ pháp, mà còn hướng đến khả năng giao tiếp linh hoạt trong các tình huống thực tế. Tuy nhiên, việc dạy và học tiếng Trung như một ngoại ngữ trong bối cảnh Việt Nam vẫn còn một số hạn chế.

Với kinh nghiệm học và giảng dạy ngoại ngữ, tác giả nhận thấy việc đổi mới phương pháp giảng dạy kỹ năng nói tiếng Trung là cần thiết, đặc biệt trong môi trường trung tâm ngoại ngữ, nơi học viên thường có nhu cầu sử dụng ngôn ngữ để giao

tiếp thực tế. Trong số các hướng tiếp cận hiện nay, phương pháp giảng dạy ngôn ngữ giao tiếp, kết hợp với việc sử dụng tài liệu xác thực, được xem là phù hợp để tăng cường năng lực giao tiếp cho người học. Tài liệu xác thực có thể bao gồm hội thoại đời thực, video ngắn, quảng cáo, thực đơn, biển báo, tin nhắn, bài đăng mạng xã hội, tình huống mua bán, phỏng vấn hoặc các ngữ liệu được người bản ngữ sử dụng trong đời sống hằng ngày.

Xuất phát từ thực tiễn trên, nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu việc ứng dụng tài liệu xác thực trong giảng dạy kỹ năng nói tiếng Trung giao tiếp cho học viên tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu. Mục tiêu của nghiên cứu là đánh giá tác động của tài liệu xác thực đối với sự phát triển kỹ năng nói, mức độ tham gia của học viên trong lớp học, đồng thời đề xuất một số khuyến nghị sư

phạm nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy kỹ năng nói tiếng Trung giao tiếp trong bối cảnh trung tâm ngoại ngữ.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Năng lực giao tiếp

Năng lực giao tiếp là một khái niệm nền tảng trong lĩnh vực giảng dạy và học ngoại ngữ, đặc biệt trong các phương pháp giảng dạy ngôn ngữ theo định hướng giao tiếp. Thuật ngữ này được Hymes (1972, as cited in Brown, 2000) đề xuất nhằm bổ sung và mở rộng khái niệm “năng lực ngôn ngữ” của Chomsky. Theo Canale và Swain (1980), năng lực giao tiếp bao gồm bốn thành tố chính: năng lực ngữ pháp, năng lực ngôn ngữ xã hội, năng lực diễn ngôn và năng lực chiến lược.

Trong bối cảnh giảng dạy ngoại ngữ, phát triển năng lực giao tiếp là một mục tiêu quan trọng vì người học không chỉ cần nắm kiến thức ngôn ngữ mà còn phải có khả năng vận dụng kiến thức đó vào các tình huống giao tiếp thực tế. Bagarić và Mihaljević Djigunović (2007) cho rằng người sử dụng ngôn ngữ thành thạo không chỉ sở hữu kiến thức về ngôn ngữ mà còn cần có khả năng sử dụng kiến thức ấy một cách phù hợp trong các sự kiện giao tiếp. Do đó, năng lực giao tiếp của người học nên được đánh giá thông qua khả năng thực hiện các nhiệm vụ giao tiếp, thay vì chỉ dựa trên mức độ ghi nhớ từ vựng hoặc quy tắc ngữ pháp.

Đối với việc giảng dạy kỹ năng nói tiếng Trung giao tiếp, năng lực giao tiếp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Người học tiếng Trung không chỉ cần phát âm đúng âm tiết, thanh điệu và sử dụng cấu trúc câu chính xác, mà còn cần biết cách mở đầu cuộc trò chuyện, phản hồi phù hợp, duy trì tương tác và sử dụng ngôn ngữ theo từng tình huống cụ thể. Vì vậy, việc sử dụng tài liệu xác thực trong lớp học có thể hỗ trợ người học tiếp xúc với các tình huống giao tiếp gần với đời sống thực, từ đó góp phần phát triển năng lực giao tiếp một cách toàn diện hơn.

2.2. Tài liệu thực

2.2.1. Định nghĩa

Tài liệu xác thực là các văn bản, âm thanh, hình ảnh hoặc ngữ liệu được tạo ra nhằm phục vụ mục đích giao tiếp trong đời sống thực, chứ không phải được thiết kế ban đầu cho hoạt động giảng dạy ngôn ngữ. Nói cách khác, đây là những tài liệu mà người bản ngữ sử dụng trong các tình huống giao tiếp tự nhiên, chẳng hạn như hội thoại đời thường, bản tin, quảng cáo, video, thực đơn, biển báo, tin nhắn, bài đăng mạng xã hội, chương trình phỏng

vấn hoặc các đoạn giao tiếp không có kịch bản.

Trong bối cảnh giảng dạy kỹ năng nói tiếng Trung giao tiếp, tài liệu xác thực có thể bao gồm các đoạn hội thoại giữa người bản ngữ, video ngắn trên mạng xã hội, tình huống mua bán, gọi món, hỏi đường, giới thiệu bản thân, phỏng vấn, trao đổi trong công việc hoặc các mẫu giao tiếp đời thường khác. Những tài liệu này giúp học viên tiếp xúc với tốc độ nói, thanh điệu, ngữ điệu, cách dùng từ và phản ứng giao tiếp tự nhiên của người sử dụng tiếng Trung. Nhờ đó, học viên không chỉ học ngôn ngữ như một hệ thống từ vựng và ngữ pháp, mà còn có cơ hội quan sát và thực hành cách sử dụng tiếng Trung trong các tình huống giao tiếp thực tế.

2.2.2. Ích lợi của tài liệu thực

Trong phương pháp giảng dạy ngôn ngữ giao tiếp, tài liệu xác thực không chỉ cung cấp nguồn ngữ liệu phong phú mà còn thúc đẩy sự tương tác có ý nghĩa và khuyến khích người học sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống gần với đời sống thực. Việc sử dụng tài liệu xác thực trong lớp học nói giúp học viên tham gia vào các nhiệm vụ giao tiếp thực tế, qua đó phát triển khả năng sử dụng ngôn ngữ theo chức năng và mục đích giao tiếp cụ thể (Richards, 2006).

Một lợi ích quan trọng của tài liệu xác thực là hỗ trợ học viên phát triển các chiến lược giao tiếp, chẳng hạn như thương lượng ý nghĩa, mở đầu cuộc trò chuyện, phản hồi phù hợp và duy trì tương tác trong nhiều ngữ cảnh khác nhau. Khi tiếp xúc với ngôn ngữ tự nhiên, không hoàn toàn theo khuôn mẫu sách giáo khoa, học viên được khuyến khích tư duy linh hoạt và phản ứng tự phát hơn. Đây là những yếu tố cần thiết để phát triển sự lưu loát trong kỹ năng nói (Peacock, 1997).

Bên cạnh đó, tài liệu xác thực còn giúp tăng cường sự tham gia và động lực học tập của học viên. Vì các tài liệu này bắt nguồn từ đời sống thực, nội dung của chúng thường gần gũi với sở thích, nhu cầu hoặc trải nghiệm giao tiếp của người học. Gilmore (2007) cho rằng tài liệu xác thực giúp người học tiếp xúc với ngôn ngữ tự nhiên và đa dạng hơn, từ đó làm cho quá trình học ngoại ngữ trở nên có ý nghĩa và thiết thực hơn.

Tài liệu xác thực cũng góp phần nâng cao nhận thức văn hóa và năng lực ngữ dụng của học viên. Các tài liệu này thường chứa đựng những yếu tố văn hóa, thành ngữ, cách xưng hô, mức độ lịch sự, giọng điệu và quy ước giao tiếp đặc trưng của cộng đồng người bản ngữ. Việc tiếp xúc với những

đặc điểm này giúp học viên không chỉ hiểu ngôn ngữ ở phương diện từ vựng và ngữ pháp, mà còn biết cách sử dụng ngôn ngữ phù hợp với bối cảnh, mục đích và quan hệ giao tiếp (Mishan, 2005).

Từ góc độ sư phạm, tài liệu xác thực giúp giáo viên đa dạng hóa hình thức tổ chức hoạt động trong lớp học, chẳng hạn như làm việc theo cặp, thảo luận nhóm, đóng vai, mô phỏng tình huống và học tập dựa trên nhiệm vụ. Những hình thức này tạo điều kiện cho học viên thực hành giao tiếp trong các tình huống gần với đời sống thực, đồng thời giúp họ phát triển khả năng sử dụng ngôn ngữ chức năng một cách linh hoạt hơn (Berardo, 2006).

Trong bối cảnh giảng dạy kỹ năng nói tiếng Trung giao tiếp, tài liệu xác thực có thể giúp học viên tiếp xúc với cách phát âm, thanh điệu, ngữ điệu, tốc độ nói và cách phản hồi tự nhiên của người sử dụng tiếng Trung. Thông qua các tài liệu như hội thoại đời thường, video ngắn, tình huống mua bán, gọi món, hỏi đường hoặc giao tiếp trong công việc, học viên có thêm cơ hội luyện phản xạ nói và vận dụng tiếng Trung vào các tình huống giao tiếp thực tế. Vì vậy, tài liệu xác thực có giá trị quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả dạy và học kỹ năng nói tiếng Trung tại trung tâm ngoại ngữ.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp hỗn hợp nhằm tìm hiểu tác động của việc sử dụng tài liệu xác thực trong giảng dạy kỹ năng nói tiếng Trung giao tiếp cho học viên tại trung tâm ngoại ngữ. Dữ liệu được thu thập thông qua ba công cụ chính: bảng câu hỏi, quan sát lớp học và giảng dạy thực nghiệm. Việc kết hợp dữ liệu định lượng và định tính giúp nghiên cứu có cái nhìn toàn diện hơn về sự thay đổi trong kỹ năng nói, mức độ tham gia và nhận thức của học viên đối với việc sử dụng tài liệu xác thực trong lớp học.

Đối tượng

Đối tượng tham gia nghiên cứu gồm 40 học viên học tiếng Trung trình độ trung cấp tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu, người Việt Nam, độ tuổi dao động từ 20 đến 30 tuổi, họ đã hoàn thành các khóa học tiếng Trung cơ bản và đang tiếp tục học các lớp phát triển kỹ năng nói giao tiếp.

Tài liệu

Nghiên cứu sử dụng các tài liệu xác thực bằng tiếng Trung để áp dụng vào các lớp học nói theo định hướng giao tiếp. Các tài liệu này bao gồm video ngắn, đoạn hội thoại đời thực, bản tin ngắn,

quảng cáo, thực đơn, biển báo, bài đăng mạng xã hội, tình huống mua bán, gọi món, hỏi đường, giới thiệu bản thân, phỏng vấn và các đoạn giao tiếp thường gặp trong đời sống hằng ngày. Các tài liệu được lựa chọn từ những nguồn phù hợp với việc học tiếng Trung như YouTube, CCTV, Douyin,... các trang học liệu tiếng Trung và các nguồn giao tiếp thực tế khác. Việc lựa chọn tài liệu dựa trên ba tiêu chí chính: mức độ phù hợp với chủ đề bài học, trình độ tiếng Trung của học viên và giá trị giao tiếp của tài liệu.

Công cụ

Để thu thập dữ liệu, nghiên cứu sử dụng phương pháp tam giác hóa thông qua ba công cụ: bảng câu hỏi, giảng dạy thực nghiệm và quan sát lớp học. Theo Hinchey (2008), tam giác hóa là cách thu thập nhiều loại dữ liệu khác nhau liên quan đến cùng một vấn đề nghiên cứu nhằm giảm thiểu sự mơ hồ và tăng độ tin cậy của kết quả.

Bảng câu hỏi: Bảng câu hỏi gồm hai phần. Phần thứ nhất bao gồm ba câu hỏi về thông tin cá nhân cơ bản của người tham gia, gồm độ tuổi, giới tính và trình độ tiếng Trung. Phần thứ hai gồm chín mục liên quan đến trải nghiệm của học viên trong quá trình học nói tiếng Trung với tài liệu xác thực. Các mục này tập trung vào mức độ hứng thú, sự tự tin, khả năng phản xạ, sự lưu loát, mức độ tham gia vào hoạt động lớp học và cảm nhận của học viên về tính thực tiễn của các tài liệu được sử dụng. Bảng câu hỏi được thiết kế nhằm hỗ trợ trả lời câu hỏi nghiên cứu về việc sử dụng tài liệu xác thực có thể góp phần nâng cao kỹ năng nói tiếng Trung giao tiếp của học viên như thế nào.

Thực nghiệm: Quá trình giảng dạy thực nghiệm kéo dài sáu tuần, với ba buổi học mỗi tuần, có sự tham gia của 40 học viên học tiếng Trung tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu. Phương pháp CLT, kết hợp với việc sử dụng tài liệu xác thực, được áp dụng để phát triển kỹ năng nói tiếng Trung giao tiếp.

Quan sát

Một danh sách kiểm tra có cấu trúc được sử dụng để ghi lại mức độ tham gia, tương tác và gắn kết của học viên. Các quan sát tập trung vào cách học viên phản ứng với các nhiệm vụ giao tiếp, mức độ chủ động sử dụng tiếng Trung và sự tương tác của họ trong các hoạt động lớp học. Dữ liệu định tính này hỗ trợ việc phân tích hiệu quả của lớp học nói tiếng Trung sử dụng tài liệu xác thực. Phương pháp này giúp đánh giá kết quả giảng dạy trong thời gian thực.

2.4. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

2.4.1. Kết quả nghiên cứu

2.4.1.1. Kết quả từ bảng hỏi

Bảng câu hỏi nhằm khảo sát thái độ của học viên đối với việc áp dụng phương pháp giảng dạy ngôn ngữ giao tiếp kết hợp với tài liệu xác thực trong lớp học nói tiếng Trung tại Trung tâm Ngoại ngữ -

Tin học, Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu. Phần chính của bảng câu hỏi gồm 9 mục. Vì mục tiêu khảo sát đã được nhóm nghiên cứu giải thích rõ ràng, hầu hết học viên đều tham gia nghiên cứu một cách tích cực. Thái độ của học viên đối với việc áp dụng phương pháp CLT kết hợp với tài liệu xác thực được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1. Thái độ của học viên đối với việc áp dụng CLT bằng cách sử dụng tài liệu nói thực tế

TT	Nội dung		1	2	3	4	5
1	Tôi đã quen thuộc với phương pháp CLT.	Count %	0 0	0 0	2 5	20 50	18 45
2	Dựa trên sự quen thuộc của tôi với phương pháp CLT, các bài học nói của tôi thường bao gồm các nhiệm vụ giao tiếp thực tế (ví dụ: đóng vai, thảo luận).	Count %	1 2.5	3 7.5	51 2.5	22 55	92 2.5
3	Tôi sử dụng các tài liệu thực tế (ví dụ: video, phỏng vấn, bài báo, podcast) trong các lớp học nói của mình để hỗ trợ giao tiếp trong đời thực.	Count%	0 0	12.5	3 7.5	22 55	14 35
4	Việc sử dụng các tài liệu thực tế này giúp các bài học nói trở nên thú vị và hấp dẫn hơn.	Count%	1 2.5	0 0	4 10	21 52.5	14 35
5	Tôi cảm thấy tự tin hơn khi nói tiếng Trung sau khi học bằng tài liệu thực tế.	Count%	0 0	1 2.5	512.5	21 52.5	13 30
6	Các tài liệu thực tế cũng giúp tôi hiểu cách tiếng Trung được sử dụng trong các ngữ cảnh đời sống thực.	Count%	0 0	2 5	717.5	15 37.5	16 40
7	Tôi tham gia tích cực hơn vào lớp học khi giáo viên sử dụng tài liệu thực tế.	Count%	1 2.5	2 5	37.5	15 37.5	19 47.5
8	Tôi tin rằng phương pháp CLT kết hợp với tài liệu thực tế giúp cải thiện khả năng nói lưu loát của tôi.	Count%	1 2.5	0 0	71 7.5	17 42.5	15 37.5
9	Nhìn chung, tôi thấy phương pháp CLT, sử dụng các tài liệu thực tế, rất hiệu quả trong việc phát triển kỹ năng nói của tôi.	Count%	00	2 5	3 7.5	19 47.5	16 40

(1 = Strongly Disagree; 2 = Disagree; 3 = Neutral; 4 = Agree; 5 = Strongly Agree)

Như thể hiện trong Bảng 1, học viên thể hiện thái độ tích cực đối với phương pháp CLT, đặc biệt khi phương pháp này được kết hợp với tài liệu xác thực trong lớp học nói tiếng Trung. Hầu hết học viên cho biết họ quen thuộc với phương pháp

CLT, với 95% người tham gia đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý ở Mục 1. Bên cạnh đó, 77,5% học viên cho biết các bài học nói tiếng Trung thường bao gồm các nhiệm vụ giao tiếp thực tế như đóng vai và thảo luận. Kết quả cũng cho thấy học viên

đánh giá cao hiệu quả của tài liệu xác thực trong lớp học nói. Cụ thể, 90% học viên đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý rằng họ đã được tiếp xúc với các tài liệu xác thực như video, phỏng vấn, bài báo hoặc podcast trong lớp học nói tiếng Trung. Đối với Mục 4, 87,5% học viên cho rằng việc sử dụng tài liệu xác thực làm cho bài học nói trở nên thú vị và hấp dẫn hơn. Ngoài ra, 85% học viên cảm thấy tự tin hơn khi nói tiếng Trung sau khi học với tài liệu xác thực. Tài liệu xác thực cũng góp phần giúp học viên hiểu rõ hơn cách tiếng Trung được sử dụng trong các ngữ cảnh đời sống thực. Ở Mục 6, 77,5% học viên đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý với nhận định này. Đồng thời, 85% học viên cho biết họ tham gia tích cực hơn vào lớp học khi giáo viên sử dụng tài liệu xác thực. Đối với Mục 8, 80% học viên tin rằng phương pháp CLT kết hợp với tài liệu xác thực giúp cải thiện khả năng nói lưu loát của họ.

Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy học viên tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu nhận thức tích cực về giá trị của phương pháp CLT kết hợp với tài liệu xác thực. Những phát hiện này cho thấy việc sử dụng tài liệu xác thực không chỉ làm tăng hứng thú và sự tham gia của học viên, mà còn hỗ trợ phát triển sự tự tin, khả năng phản xạ và sự lưu loát trong kỹ năng nói tiếng Trung giao tiếp. Vì vậy, kết quả này ủng hộ việc tiếp tục khai thác tài liệu xác thực trong giảng dạy kỹ năng nói tiếng Trung tại trung tâm ngoại ngữ.

2.4.1.2. Kết quả từ quan sát và thực nghiệm

Dựa trên kết quả quan sát và quá trình giảng dạy thực nghiệm được thực hiện trong suốt khóa học, có thể thấy rằng các học viên trong nhóm tham gia nghiên cứu đã thể hiện sự quan tâm, mức độ tham gia và động lực tích cực đối với các hoạt động trên lớp. Họ nhận thức rõ hơn về hiệu quả của các nhiệm vụ giao tiếp và tầm quan trọng của tài liệu xác thực trong việc cải thiện kỹ năng nói tiếng Trung giao tiếp. Nhiều học viên thậm chí còn bày tỏ mong muốn được tiếp cận thêm các tài liệu xác thực để tự học ngoài giờ học trên lớp,

cho thấy thái độ chủ động của họ đối với việc học tiếng Trung.

Sự tương tác giữa các học viên được thúc đẩy tích cực thông qua các hoạt động giao tiếp như làm việc theo cặp, thảo luận nhóm, đóng vai và mô phỏng tình huống thực tế. Người học được khuyến khích tham gia thường xuyên, sử dụng tiếng Trung nhiều hơn trong lớp và phối hợp với bạn học để hoàn thành các nhiệm vụ giao tiếp. Mặc dù hầu hết các quan sát cho thấy việc triển khai hoạt động nói phù hợp với các nguyên tắc giao tiếp, vẫn còn một số hạn chế nhỏ như việc học viên đôi khi sử dụng tiếng mẹ đẻ, chưa thật sự tập trung vào sự lưu loát và còn hạn chế trong khả năng tự sửa lỗi. Tuy nhiên, các tài liệu xác thực được lựa chọn nhìn chung phù hợp với trình độ học viên, liên quan chặt chẽ đến nội dung bài học và có khả năng thu hút sự quan tâm của người học.

Vai trò của giáo viên và học viên cũng được thể hiện rõ trong quá trình thực nghiệm. Giáo viên đóng vai trò là người hướng dẫn, tổ chức hoạt động và hỗ trợ khi cần thiết, trong khi học viên được khuyến khích chịu trách nhiệm nhiều hơn đối với quá trình học tập của mình. Các hoạt động đánh giá trong lớp chú trọng cả sự lưu loát và độ chính xác khi nói tiếng Trung, đồng thời duy trì sự linh hoạt đối với các lỗi ngôn ngữ nhằm tạo môi trường học tập tích cực và hỗ trợ sự phát triển của người học.

2.4.1.3. Kết quả từ bài kiểm tra

Kết quả của quá trình giảng dạy thực nghiệm cho thấy sự tiến bộ rõ rệt trong kỹ năng nói tiếng Trung giao tiếp của học viên tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu, học viên tham gia nghiên cứu có thể tiếp cận và thực hành phương pháp CLT thông qua việc sử dụng tài liệu xác thực ở một mức độ nhất định. Với tư cách là người trực tiếp giảng dạy và nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy tính thực tiễn của phương pháp này và ghi nhận tiềm năng ứng dụng rộng rãi hơn của nó trong các lớp học tiếng Trung giao tiếp khác, cả trong và ngoài CĐSPBRVT.

Bảng 2. Tóm tắt kết quả kiểm tra trước và sau khi thực hiện phương pháp giảng dạy thử nghiệm

Score ranges	Pre-test	In-course test	Post-test
Dưới trung bình, điểm 3 và 4	4 (10.00%)	2 (5.00%)	0 (0.00%)
Trung bình, điểm 5 và 6	19 (47.50%)	14 (35.00%)	8 (20.00%)
Khá, điểm 7	14 (35.00%)	18 (45.00%)	22 (55.00%)
Giỏi, điểm 8	3 (7.50%)	5 (12.50%)	8 (20.00%)
Tốt, điểm 9	0 (0.00%)	1 (2.50%)	2 (5.00%)

Bảng 2 trình bày tóm tắt điểm nói của học viên trước, trong và sau quá trình giảng dạy thực nghiệm. Dữ liệu từ Bảng 2 cho thấy sự cải thiện đáng kể về kỹ năng nói tiếng Trung giao tiếp của học viên. Cụ thể, số lượng học viên có điểm dưới trung bình, gồm điểm 3 và 4, đã giảm đáng kể từ 10,00% trong bài kiểm tra trước thực nghiệm xuống 0,00% trong bài kiểm tra sau thực nghiệm. Trong khi đó, những học viên đạt điểm cao hơn, đặc biệt là ở các mức “Khá” điểm 7, “Giỏi” điểm 8 và “Tốt” điểm 9, đã có sự gia tăng đáng kể, từ 42,50% trong bài kiểm tra trước thực nghiệm lên 80,00% trong bài kiểm tra sau thực nghiệm. Những kết quả này cho thấy việc sử dụng tài liệu xác thực trong giảng dạy kỹ năng nói tiếng Trung giao tiếp dựa trên phương pháp CLT có tác động tích cực đến hiệu quả học tập và sự tự tin của học viên, qua đó khẳng định tính hiệu quả của phương pháp giảng dạy thực nghiệm.

2.4.2. Bàn luận

Đa số học viên thể hiện sự quen thuộc, tự tin với phương pháp CLT và có thái độ tích cực đối với việc ứng dụng phương pháp này trong lớp học. Như được phản ánh trong kết quả khảo sát, hầu hết người tham gia đều đồng ý rằng các bài học dựa trên CLT, có sử dụng tài liệu xác thực, làm cho việc học trở nên thú vị và có động lực hơn. Điều này ủng hộ quan điểm của Gilmore (2007), người nhấn mạnh rằng tài liệu xác thực giúp người học tiếp xúc với ngôn ngữ đích thực và tăng cường sự tham gia do tính liên quan của chúng đến giao tiếp trong đời thực.

Dữ liệu quan sát lớp học đã củng cố thêm nhận định rằng việc tích hợp các tài liệu xác thực vào các bài học CLT phù hợp với các nguyên tắc giao tiếp chính. Học viên thường xuyên tham gia làm việc theo cặp và nhóm, tham gia vào học tập dựa trên nhiệm vụ và thể hiện sự tham gia tích cực vào tương tác trong lớp học. Những kết quả này phù hợp với các đặc điểm của CLT được Richards và Rodgers (2001) nêu ra, trong đó khẳng định rằng các hoạt động giao tiếp phải cho phép người học sử dụng ngôn ngữ cho các mục đích có ý nghĩa và khuyến khích việc thương lượng ý nghĩa trong bối cảnh xã hội.

Một phát hiện quan trọng khác là sự cải thiện về khả năng nói tiếng Trung giao tiếp của học viên

trong bài kiểm tra trước khóa học, bài kiểm tra giữa khóa học và bài kiểm tra sau khóa học. Số lượng học viên đạt điểm dưới mức trung bình, gồm điểm 3 và 4, giảm xuống còn 0, trong khi số lượng học viên đạt điểm cao hơn, gồm điểm 7 đến điểm 9, tăng đáng kể, từ 42,5% lên 80%. Những kết quả này cho thấy học viên không chỉ trở nên tự tin hơn mà còn thành thạo hơn trong giao tiếp nói tự phát.

Các phát hiện cho thấy sự phát triển năng lực giao tiếp phù hợp với bốn thành phần được Canale và Swain (1980) xác định: năng lực ngữ pháp, năng lực ngôn ngữ xã hội, năng lực diễn ngôn và năng lực chiến lược. Học viên đã thể hiện khả năng áp dụng các thành phần này trong các nhiệm vụ nói khác nhau, phản ánh các tương tác trong thế giới thực. Phát hiện này xác nhận mục đích cốt lõi của CLT như đã được Brown (2000) thảo luận, người nhấn mạnh rằng việc giảng dạy ngôn ngữ nên ưu tiên khả năng giao tiếp hiệu quả hơn là chỉ đơn thuần nắm vững các quy tắc ngữ pháp.

Việc ứng dụng các tài liệu xác thực đã chứng tỏ hiệu quả trong việc tạo ra môi trường học tập lấy người học làm trung tâm và mang tính giao tiếp. Học viên tích cực tham gia, thể hiện sự tiến bộ về khả năng nói lưu loát và bày tỏ sự hài lòng với các bài học. Các tài liệu được sử dụng không chỉ phản ánh việc sử dụng tiếng Trung trong đời thực mà còn đóng vai trò là công cụ tạo động lực, kích thích sự hứng thú và tương tác của người học.

Việc tích hợp các tài liệu xác thực đã dẫn đến những cải thiện đáng kể về năng lực nói và sự tham gia trong lớp học của người học. Kết quả nghiên cứu khẳng định rằng CLT, khi được hỗ trợ bằng các tài liệu xác thực được lựa chọn cẩn thận, là một phương pháp khả thi và hiệu quả để phát triển khả năng giao tiếp tiếng Trung cho học viên tại trung tâm ngoại ngữ. Những kết quả này phù hợp với các quan điểm lý thuyết và kết quả thực nghiệm được trình bày trong tài liệu, góp phần vào bằng chứng hỗ trợ tính phù hợp của các phương pháp giao tiếp trong giảng dạy tiếng Trung như một ngoại ngữ.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này nhằm mục đích điều tra việc triển khai CLT, kết hợp với tài liệu xác thực, trong

việc phát triển kỹ năng nói tiếng Trung giao tiếp của học viên tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu. Kết quả thu được từ bảng hỏi, quan sát lớp học và kết quả kiểm tra cho thấy bằng chứng đáng kể rằng việc tích hợp CLT và tài liệu xác thực góp phần tích cực vào sự phát triển năng lực giao tiếp của người học. Học viên đã thể hiện sự tiến

bộ đáng kể về sự lưu loát, sự tự tin và khả năng tương tác trong các hoạt động nói. Nghiên cứu này nhấn mạnh tiềm năng ứng dụng rộng rãi hơn của phương pháp giao tiếp trong các bối cảnh dạy tiếng Trung như một ngoại ngữ, đặc biệt là khi mục tiêu là phát triển các kỹ năng giao tiếp thực tế, hữu dụng cho học viên tại trung tâm ngoại ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bagarić, V., & Mihaljević Djigunović, J. (2007). Defining communicative competence. *Metodika*, 6(2), 60–69.8(1), 94–103.
- Berardo, S. A. (2006). The use of authentic materials in the teaching of reading. *The Reading Matrix*, 6(2), 60–69.8(1), 94–103.
- Brown, H. D. (2000). Principles of language learning and teaching (4th ed.). *Longman*.
- Canale, M., & Swain, M. (1980). Theoretical bases of communicative approaches to second language teaching and testing. *Applied Linguistics*, 1(1), 1–47.
- Gilmore, A. (2007). Authentic materials and authenticity in foreign language learning. *Language Teaching*, 40(2), 97–118. <https://doi.org/10.1017/S0261444807004144>
- Guo, Z. (2018). Selection and application of the authentic materials in spoken-Chinese teaching. In Proceedings of the 2018 8th International Conference on Management, Education and Information (MEICI 2018). *Atlantis Press*. <https://doi.org/10.2991/meici-18.2018.20>
- Hinchey, P. H. (2008). Action research primer. *Peter Lang Publishing*.
- Mishan, F. (2005). Designing authenticity into language learning materials. *Intellect Books*.
- Nunan, D. (1999). Second language teaching and learning. *Heinle & Heinle*.
- Peacock, M. (1997). The effect of authentic materials on the motivation of EFL learners. *ELT Journal*, 51(2), 144–156. <https://doi.org/10.1093/elt/51.2.144>
- Richards, J. C. (2006). Communicative language teaching today. *Cambridge University Press*.
- Trang, T. T. T., & Baldauf, R. B., Jr. (2007). Demotivation: Understanding resistance to English language learning—The case of Vietnamese students. *The Journal of Asia TEFL*, 4(1), 79–105
- Wang, J., An, N., & Wright, C. (2018). Enhancing beginner learners' oral proficiency in a flipped Chinese foreign language classroom. *Computer Assisted Language Learning*, 31(5–6), 490–521. <https://doi.org/10.1080/09588221.2017.1417872>